

Số: 0146/POS-HCNS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 4 năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC

- Mã chứng khoán: POS

- Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, số 65A, đường 30/4, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại liên hệ/Tel: 0254 – 3515758

Fax: 0254 – 3515759

- Email: duyenttn@ptsc.com.vn

Website: pos.ptsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 4 năm 2025

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/01/2026 tại đường dẫn: <https://pos.ptsc.com.vn>.

Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, HCNS.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC quý 4 năm 2025



**Tiền Đức Cường**  
**Trưởng phòng Hành chính Nhân sự**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>1,904,247,792,432</b>	<b>1,977,300,405,927</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>599,644,012,037</b>	<b>517,431,543,921</b>
1. Tiền	111	V.01	312,644,012,037	377,431,543,921
2. Các khoản tương đương tiền	112		287,000,000,000	140,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>573,755,000,000</b>	<b>718,965,000,000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		573,755,000,000	718,965,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>598,171,345,078</b>	<b>695,086,665,158</b>
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.03	445,123,912,141	580,032,353,509
2. Trả trước cho người bán	132		14,018,721,379	18,228,980,420
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	147,895,453,330	123,460,070,677
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8,866,741,772)	(26,634,739,448)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>96,707,713,220</b>	<b>44,475,159,221</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	102,440,824,017	50,492,125,212
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5,733,110,797)	(6,016,965,991)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>35,969,722,097</b>	<b>1,342,037,627</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	2,463,870,493	1,342,037,627
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		33,029,900,537	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		475,951,067	



BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>243,886,745,117</b>	<b>221,444,039,503</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>20,000,000</b>	<b>2,005,000,000</b>
5. Phải thu dài hạn khác	216		20,000,000	2,005,000,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>147,239,826,942</b>	<b>152,819,991,561</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	143,643,134,187	151,781,387,724
<i>Nguyên giá</i>	222		1,108,933,560,875	1,067,085,483,678
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(965,290,426,688)	(915,304,095,954)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	3,596,692,755	1,038,603,837
<i>Nguyên giá</i>	228		23,548,673,000	20,146,273,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(19,951,980,245)	(19,107,669,163)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>55,611,173,628</b>	<b>1,812,500,000</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		55,611,173,628	1,812,500,000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>41,015,744,547</b>	<b>64,806,547,942</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	14,732,117,410	27,788,293,288
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	26,283,627,137	37,018,254,654
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2,148,134,537,549</b>	<b>2,198,744,445,430</b>



*Handwritten signature/initials*





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ ( 300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1,259,495,448,671</b>	<b>1,400,590,988,709</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,154,398,944,037</b>	<b>1,214,619,966,437</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	555,692,212,044	554,710,741,889
2. Người mua trả tiền trước	312		60,679,218,109	28,068,890,733
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	20,351,848,440	41,915,797,452
4. Phải trả người lao động	314		101,384,083,403	72,561,814,726
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	254,988,017,106	282,658,099,680
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.10	129,604,976,548	155,495,794,858
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	6,161,237,056	64,517,164,999
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		19,828,507,248	6,977,918,017
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5,708,844,083	7,713,744,083
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>105,096,504,634</b>	<b>185,971,022,272</b>
10. Dự phòng phải trả dài hạn	342		104,618,504,634	185,683,522,272
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		478,000,000	287,500,000
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>888,639,088,878</b>	<b>798,153,456,721</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15	<b>888,639,088,878</b>	<b>798,153,456,721</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		459,999,650,000	400,000,000,000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		248,743,314,235	308,742,964,235
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		179,896,124,643	89,410,492,486
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		76,410,492,486	2,766,638,470
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		103,485,632,157	86,643,854,016
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2,148,134,537,549</b>	<b>2,198,744,445,430</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu



Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Duy

Giám đốc



Vũ Đình Cao Sơn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ IV**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Quý IV				Đơn vị tính: VND	
	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/10/2024 đến 31/12/204	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024		
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	793,165,205,912	682,986,444,383	2,509,740,497,192	2,109,954,735,044
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-		
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10=01-02)	10		793,165,205,912	682,986,444,383	2,509,740,497,192	2,109,954,735,044
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	752,682,212,059	659,715,469,866	2,407,170,642,221	2,011,709,363,688
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		40,482,993,853	23,270,974,517	102,569,854,971	98,245,371,356
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15,712,300,014	16,332,965,570	55,961,280,605	49,937,066,838
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	5,232,706,562	(561,375,694)	7,065,970,301	8,155,218,580
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23					
8 Chi phí bán hàng	24		855,611,174	429,539,693	3,462,620,082	1,274,445,732
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	(2,968,252,313)	16,079,948,638	21,745,730,473	37,154,011,334
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20+(21-22) -(24+25)}	30		53,075,228,444	23,655,827,450	126,256,814,720	101,598,762,548



*Ph*



CHỈ TIÊU		Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/10/2024 đến 31/12/204	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
11 Thu nhập khác	31	13,270,145,291	273,604,453	16,647,364,847	8,452,016,921
12 Chi phí khác	32	12,454,965,434	927,270,993	13,220,611,678	1,367,241,580
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40 VI.6	815,179,857	(653,666,540)	3,426,753,169	7,084,775,341
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	53,890,408,301	23,002,160,910	129,683,567,889	108,683,537,889
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 VI.7	1,547,256,296	27,804,331,707	15,463,308,215	47,217,272,842
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	9,446,833,725	(23,084,078,249)	10,734,627,517	(25,177,588,969)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	<u>42,896,318,280</u>	<u>18,281,907,452</u>	<u>103,485,632,157</u>	<u>86,643,854,016</u>
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	<u>880</u>	<u>333</u>	<u>2203</u>	<u>1670</u>
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	<u>880</u>	<u>333</u>	<u>2203</u>	<u>1670</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2026  
Giám đốc

Người lập biểu



Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Duy



Vũ Đình Cao Sơn





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ IV**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	129,683,567,889	108,683,537,889
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	50,830,641,816	47,424,731,229
- Các khoản dự phòng	03	(86,266,281,277)	149,399,974,040
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	4,105,930,894	494,082,789
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(33,334,900,985)	(31,408,129,059)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	65,018,958,337	274,594,196,888
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	75,803,143,835	(221,833,776,624)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(51,948,698,805)	(5,289,355,360)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(54,410,733,741)	440,614,805,262
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	11,934,343,012	16,032,029,626
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(43,158,472,622)	(20,642,117,937)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15,680,950,000)	(16,304,602,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(12,442,409,984)</b>	<b>467,171,179,855</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(89,845,323,693)	(90,343,793,604)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	238,545,453
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(780,255,000,000)	(595,780,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	925,465,000,000	476,495,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	40,674,370,916	25,603,792,975
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>96,039,047,223</b>	<b>(183,786,455,176)</b>





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(197,950,000)	(39,774,850,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(197,950,000)	(39,774,850,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	83,398,687,239	243,609,874,679
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	517,431,543,921	272,005,551,650
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1,186,219,123)	1,816,117,592
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	<u>599,644,012,037</u>	<u>517,431,543,921</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 1 năm 2026

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Duy

Giám đốc

**Vũ Đình Cao Sơn**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC trước đây là Công ty TNHH MTV DV Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC là công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000173 ngày 05/10/2007 và giấy chứng nhận điều chỉnh số 3500818790 ngày 05/07/2010, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Theo Quyết Định số 352/QĐ- DKKT- HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ( gọi tắt là “ PTSC”), chủ sở hữu của Công ty, về việc “ Tăng vốn điều lệ và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển – PTSC thành Công ty Cổ phần”. Theo đó, Công ty sẽ được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần với vốn điều lệ là 400 tỷ VND, tương ứng với 40.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/Cổ phần, trong đó Tổng Công ty góp 84.95 % vốn điều lệ. Thời hạn chuyển đổi là 30 ngày kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo loại hình doanh nghiệp là công ty cổ phần. Công ty đã đăng ký việc chuyển đổi với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 3500818790 ngày 27/12/2010. Theo đó, Công ty quyết định thời hạn chính thức hoạt động của công ty cổ phần và cũng là thời điểm chuyển giao tất cả quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty trước đây sang Công ty Cổ phần là từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 là 719 người ( tại ngày 31/12/2024 là 643 người)

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí.

**Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí; Dịch vụ đi dờn thu gom mỏ sau khi kết thúc các chu kỳ khai thác ngoài biển; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình dầu khí; Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công tác lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng; Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ công tác vận hành, bảo dưỡng lắp đặt và đấu nối chạy thử; Dịch vụ sửa chữa máy móc thiết bị; Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng, mua bán phụ tùng; Kinh doanh, lắp đặt, bảo trì sửa chữa trang thiết bị phòng cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng; Quản lý vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp Sà lan nhà ở và các phương tiện nổi.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm



*Handwritten signature*





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng Phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Trường hợp tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 7
Thiết bị quản lý	3 - 5





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)**

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí cá dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Ngoại tệ**

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của TT200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 12 năm 2014. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tại tất cả các thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc như sau:

- Số dư các tài sản bằng tiền mặt có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ được chuyển đổi theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty thường xuyên có giao dịch công bố tại ngày này.
- Số dư các tài sản bằng tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ được chuyển đổi theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ công bố tại ngày này; hoặc Công ty có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong số các ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại (trường hợp tỷ giá mua của các ngân hàng không có chênh lệch đáng kể).
- Số dư công nợ phải thu có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ được chuyển đổi theo tỷ giá mua ngoại tệ nơi công ty thường xuyên có giao dịch công bố tại ngày này.
- Số dư công nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ được chuyển đổi theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty thường xuyên có giao dịch công bố tại ngày này.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - (b) Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo; và
  - (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

*Ph*





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền (mã V.01)**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	126.924.653	154.963.045
Tiền gửi ngân hàng (*)	312.517.087.384	377.276.580.876
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng) (**)	<u>287.000.000.000</u>	<u>140.000.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<u><b>599.644.012.037</b></u>	<u><b>517.431.543.921</b></u>

(\*): Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng bao gồm số ngoại tệ: 11.595.181,46 Đô la Mỹ và 61,47 Euro và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 11.884.901,77 Đô la Mỹ và 73,06 Euro.

(\*\*): Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 4,75%/năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 4,3%/năm đến 4,75%/năm.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (mã V.02)**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	573.755.000.000	718.965.000.000
<b>Cộng</b>	<u><u>573.755.000.000</u></u>	<u><u>718.965.000.000</u></u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư này bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,2%/năm đến 7,4%/năm, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 3,4%/năm đến 5,1%/năm.

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn trị giá 87.755.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 88.565.000.000 đồng) được Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ bảo lãnh với các đối tác theo các hợp đồng kinh tế đã ký kết.

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn không quá 12 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại ("MBV") - trước ngày 18 tháng 12 năm 2024 là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương ("Oceanbank") là 26.000.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 25.400.000.000 đồng) đang hạn chế giao dịch. Ngày 17 tháng 10 năm 2024, Oceanbank được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho Ngân hàng TMCP Quân đội ("MBBank") và sau đó được đổi tên thành MBV. Ngày 13 tháng 11 năm 2025, Ngân hàng MBV đã có công văn thông báo việc chi trả hợp đồng tiền gửi cho Công ty sẽ được tuân thủ theo Phương án chuyển giao bắt buộc của Chính phủ trong đề án tái cơ cấu MBV. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và MBV.

**3. Phải thu khách hàng (mã V.03)**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Khách hàng trong nước nợ phải thu VND	338.646.253.725	475.638.439.456
Khách hàng gốc nợ phải thu bằng USD	106.477.658.416	104.393.914.053
<b>Cộng</b>	<u><u>445.123.912.141</u></u>	<u><u>580.032.353.509</u></u>

**4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác (mã V.04)**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Doanh thu trích trước	107.454.054.552	97.101.102.766
Phải thu nội bộ từ Tổng Công ty	21.845.785.728	6.185.282.563
Phần lãi tiền gửi dự thu	7.897.762.234	15.479.286.960
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	5.342.937.500	3.415.267.500
Phải thu thuế GTGT chưa được khấu trừ	3.548.824.056	-
Tạm ứng	1.806.089.260	1.130.404.292
Phải thu khác	-	148.726.596
<b>Cộng</b>	<u><u>147.895.453.330</u></u>	<u><u>123.460.070.677</u></u>





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

**5. Hàng tồn kho (mã V.05)**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.729.634.310	7.774.695.539
Công cụ, dụng cụ	17.896.046.009	13.804.257.350
Chi phí SX, KD dở dang	71.815.143.698	28.913.172.323
<b>Cộng</b>	<u>102.440.824.017</u>	<u>50.492.125.212</u>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (mã V.06)**

Khoản mục	Nhà cửa (VND)	Máy móc thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải truyền đẫn (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	TSCĐ hữu hình khác (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm (quý)</b>	49.559.832.756	268.365.856.135	659.863.561.907	25.490.876.390	63.805.356.490	1.067.085.483.678
- Mua trong năm	-	24.408.281.323	8.481.062.085	2.874.180.000	222.281.244	35.985.804.652
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	5.862.272.545	-	-	-	5.862.272.545
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm (quý)</b>	49.559.832.756	298.636.410.003	668.344.623.992	28.365.056.390	64.027.637.734	1.108.933.560.875
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm (quý)</b>	43.114.852.904	171.634.123.127	654.668.019.515	22.628.130.934	23.258.969.474	915.304.095.954
- Khấu hao trong năm	587.197.172	29.402.404.886	2.303.459.765	1.686.653.936	16.006.614.975	49.986.330.734
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm (quý)</b>	43.702.050.076	201.036.528.013	656.971.479.280	24.314.784.870	39.265.584.449	965.290.426.688
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày đầu năm (quý)	6.444.979.852	96.731.733.008	5.195.542.392	2.862.745.456	40.546.387.016	151.781.387.724
- Tại ngày cuối năm (quý)	5.857.782.680	97.599.881.990	11.373.144.712	4.050.271.520	24.762.053.285	143.643.134.187



*Handwritten signature or initials.*



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (mã V.07)**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (VND)	Bản quyền bằng sáng chế (VND)	Nhãn hiệu hàng hoá (VND)	Phần mềm máy vi tính (VND)	TSCĐ vô hình khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá						
Số dư đầu năm (quý)	-	-	-	20.146.273.000	-	20.146.273.000
- Mua trong năm	-	-	-	3.402.400.000	-	3.402.400.000
Số dư cuối năm (quý)	-	-	-	23.548.673.000	-	23.548.673.000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm (quý)	-	-	-	19.107.669.163	-	19.107.669.163
- Khấu hao trong năm	-	-	-	844.311.082	-	844.311.082
Số dư cuối năm (quý)	-	-	-	19.951.980.245	-	19.951.980.245
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm (quý)	-	-	-	1.038.603.837	-	1.038.603.837
- Tại ngày cuối năm (quý)	-	-	-	3.596.692.755	-	3.596.692.755

**8. Phải trả người bán (mã V.08)**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Khách hàng phải trả bằng VND	417.020.240.605	413.302.396.657
Khách hàng gốc nợ phải trả bằng USD	138.671.971.439	141.408.345.232
<b>Cộng</b>	<u><u>555.692.212.044</u></u>	<u><u>554.710.741.889</u></u>

**9. Chi phí trả trước (mã V.09)**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
<b>a Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	2.463.870.493	1.342.037.627
	<u><u>2.463.870.493</u></u>	<u><u>1.342.037.627</u></u>
<b>b Dài hạn</b>		
Chi phí xây dựng, sửa chữa bảo dưỡng nhà xưởng tạm POS2	6.665.078.941	17.627.628.358
Công cụ dụng cụ, thiết bị xuất dùng	8.059.127.967	10.001.301.069
Phụ tùng thay thế dài hạn	-	131.398.565
Khác	7.910.502	27.965.296
<b>Cộng</b>	<u><u>14.732.117.410</u></u>	<u><u>27.788.293.288</u></u>

*Handwritten signature*





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

**10. Doanh thu chưa thực hiện (mã V.10)**

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Dự án TOPAZ LPS	2.091.875.000	2.091.875.000
Dự án CRPO 125-126	1.441.817.547	6.801.054.163
Dự án Lạc Đà Vàng Pipeline	126.071.284.001	89.902.865.695
Dự án chế tạo Turret cho KH PTSC AP	-	56.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>129.604.976.548</b>	<b>155.495.794.858</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (mã V.11)**

Chỉ tiêu	Dư đầu năm VND	Luỹ kế từ đầu năm		Còn phải nộp VND
		Phải nộp VND	Đã nộp VND	
<b>I- Thuế</b>	<b>41.915.797.452</b>	<b>131.981.029.520</b>	<b>154.020.929.599</b>	<b>19.875.897.373</b>
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.147.988.242	24.208.364.812	27.832.304.121	(475.951.067)
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
3. Thuế xuất nhập khẩu	-	1.551.382.918	1.551.382.918	-
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.079.596.752	15.463.308.215	43.158.472.622	7.384.432.345
5. Thuế tài nguyên	-	-	-	-
6. Tiền thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>7. Các loại thuế khác</b>	<b>3.688.212.458</b>	<b>90.754.973.575</b>	<b>81.475.769.938</b>	<b>12.967.416.095</b>
- Thuế thu nhập cá nhân	3.616.149.176	66.233.840.948	61.282.275.267	8.567.714.857
- Thuế nhà thầu phụ	72.063.282	24.521.132.627	20.193.494.671	4.399.701.238
+ Thuế TNDN nhà thầu phụ	24.021.094	6.334.097.346	5.507.241.258	850.877.182
+ Thuế GTGT nhà thầu phụ	48.042.188	18.187.035.281	14.686.253.413	3.548.824.056
- Thuế khác (môn bài nhà thầu)	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>41.915.797.452</b>	<b>131.981.029.520</b>	<b>154.020.929.599</b>	<b>19.875.897.373</b>

0.  
N  
P  
HÀ  
Y L  
TS  
P. I



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn (mã V.12)**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí DA Ruya Browfiend	105.355.351.799	-
Trích trước chi phí DA HUC Thiên Nga Hải Âu cho KH VSP	62.638.640.334	-
Trích trước giảm phí bảo hiểm thân và máy tàu do Sà lan POS1 và PTSC01 nằm bờ	27.055.299.576	(298.169.232)
Trích trước chi phí DA Benchamas	27.002.510.772	62.612.550.023
Trích trước chi phí DA LDV PL	13.898.588.495	102.695.784.736
Trích trước chi phí DA máy phát điện phụ trợ cho khách hàng Idemitsu	6.172.200.000	-
Trích trước chi phí DA dịch vụ cung cấp cho KH PVEP	4.278.674.000	-
Trích trước chi phí hành chính	2.354.934.985	2.974.772.620
Trích trước chi phí DA nhà máy hóa dầu Long Sơn	1.878.982.741	-
Trích trước chi phí dịch vụ cung cấp cho job O&M Long Sơn	1.246.000.000	2.071.834.333
Trích trước chi phí DA SVDN PL	1.198.455.139	1.198.455.139
Trích trước chi phí dịch vụ cung cấp cho POVO	764.983.609	-
Trích trước chi phí dự án cho thuê sà lan POS1 tại Malaysia	634.669.976	1.249.924.156
Trích trước chi phí dịch vụ cung cấp dịch vụ cho KH Idemitsu	296.125.680	-
Trích trước chi phí kiểm toán cho năm 2025	210.000.000	230.000.000
Trích trước chi phí dự án Block B - PTSC MC	2.600.000	-
Trích trước chi phí dự án Đại Hùng 03	-	5.530.280.350
Trích trước chi phí dự án HUC Gallaf 3 Phase A2	-	5.340.757.794
Trích trước chi phí DA HUC Gallaf 3- Phase B2	-	98.742.809.761
Trích trước chi phí DA tháo tách FPSO MV19	-	309.100.000
<b>Cộng</b>	<b><u>254.988.017.106</u></b>	<b><u>282.658.099.680</u></b>

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (mã V.13)**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn BHXH+BHTN+BHYT	2.251.618.959	2.030.993.144
Phải trả cho người lao động công tác phí	1.678.927.948	1.379.323.498
Cổ tức phải trả	1.415.152.500	1.613.102.500
Đảng phí	323.334.000	419.261.000
Thuế TNCN phải nộp	258.539.829	8.467.144.429
Khác	233.663.820	1.018.142.968
Phải trả lương thưởng CBCNV chưa chi	-	49.589.197.460
<b>Cộng</b>	<b><u>6.161.237.056</u></b>	<b><u>64.517.164.999</u></b>

870  
 TY  
 AN  
 H VÀ  
 P  
 CHI





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả (mã V.14)**

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Doanh thu chưa thực hiện	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	11.422.290.685	418.375.000	11.840.665.685
Ghi nhận lợi nhuận trong năm	25.177.588.969	-	25.177.588.969
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>36.599.879.654</b>	<b>418.375.000</b>	<b>37.018.254.654</b>
Ghi nhận lợi nhuận trong năm	(10.734.627.517)	-	(10.734.627.517)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>25.865.252.137</b>	<b>418.375.000</b>	<b>26.283.627.137</b>

**15. Vốn chủ sở hữu (mã V.15)**

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2025	400.000.000.000	308.742.964.235	89.410.492.486	798.153.456.721
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	103.485.632.157	103.485.632.157
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(13.000.000.000)	(13.000.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	59.999.650.000	(59.999.650.000)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-
Vốn góp trong kỳ	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>459.999.650.000</b>	<b>248.743.314.235</b>	<b>179.896.124.643</b>	<b>888.639.088.878</b>

C.T.C.P \* H.N.

*Ph*



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

**III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã VI.1)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối năm	
	2025 VND	2024 VND
DV vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ CT biển, bờ - tự thực hiện	2.062.181.459.794	1.626.353.518.094
Dịch vụ lao động theo chính sách nhà thầu	218.734.203.490	244.927.207.081
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng - tự thực hiện	197.507.076.048	179.909.143.797
Dịch vụ quản lý cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng - thuê nhà thầu	17.597.081.259	20.627.120.461
Dịch vụ cung ứng lao động	8.713.594.601	6.659.049.000
DV vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ CT biển, bờ - thuê nhà thầu	5.007.082.000	31.478.696.611
<b>Cộng</b>	<b>2.509.740.497.192</b>	<b>2.109.954.735.044</b>

**2. Giá vốn hàng bán ( mã VI.2)**

7	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối năm	
	2025 VND	2024 VND
DV vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ CT biển, bờ -tự thực hiện	1.977.061.825.852	1.552.721.892.970
Dịch vụ lao động theo chính sách nhà thầu	208.811.832.889	237.785.109.637
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng – tự thực hiện	192.317.924.417	171.053.998.716
Dịch vụ quản lý sửa chữa, bảo dưỡng - thuê nhà thầu	16.873.921.436	20.477.302.362
DV vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ CT biển, bờ-thuê nhà thầu	7.752.912.877	23.212.932.601
Dịch vụ cung ứng lao động	4.352.224.750	6.458.127.402
<b>Cộng</b>	<b>2.407.170.642.221</b>	<b>2.011.709.363.688</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính (mã VI.3)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối năm	
	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	33.334.900.985	31.169.583.606
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.626.379.620	18.767.483.232
<b>Cộng</b>	<b>55.961.280.605</b>	<b>49.937.066.838</b>



Handwritten signature/initials.





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

**4. Chi phí tài chính (mã VI.4)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối năm	
	2025	2024
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.960.039.407	7.661.135.791
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.105.930.894	494.082.789
<b>Cộng</b>	<b>7.065.970.301</b>	<b>8.155.218.580</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp (mã VI.5)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối năm	
	2025	2024
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.834.891.129	15.838.351.278
Chi phí nhân viên	3.308.624.400	10.014.520.926
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.066.843.581	1.239.954.396
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.745.868.662	1.358.873.408
Chi phí khác	3.000.000	180.868.563
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(10.213.497.299)	8.521.442.763
<b>Cộng</b>	<b>21.745.730.473</b>	<b>37.154.011.334</b>

**6. Lợi nhuận khác (mã VI.6)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối năm	
	2025	2024
	VND	VND
<b>Thu nhập khác:</b>		
Các khoản thanh lý, nhượng bán TSCĐ	235.589.091	238.545.453
Các khoản được thưởng, bồi thường	9.433.657.743	537.250.500
Các khoản thu nhập khác	6.978.118.013	7.676.220.968
<b>Cộng</b>	<b>16.647.364.847</b>	<b>8.452.016.921</b>
<b>Chi phí khác:</b>		
Các khoản thanh lý tài sản cố định	-	550.713.033
Các khoản bị phạt, bồi thường	759.568.449	444.872.220
Các khoản chi phí khác	12.461.043.229	371.656.327
<b>Cộng</b>	<b>13.220.611.678</b>	<b>1.367.241.580</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.426.753.169</b>	<b>7.084.775.341</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (mã VI.7)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối năm	
	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	129.683.567.889	108.683.537.889
Thu nhập chịu thuế	77.316.541.073	236.086.364.210
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.463.308.215	47.217.272.842
<b>Cộng</b>	<b>15.463.308.215</b>	<b>47.217.272.842</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối năm	
	2025	2024
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.376.005.997.541	1.291.265.053.742
Chi phí nhân công	542.971.654.612	530.040.589.027
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	440.747.626.226	166.106.031.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.830.641.816	47.424.731.229
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	11.909.764.668	8.521.442.763
Chi phí bằng tiền khác	10.197.163.107	5.439.350.456
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(283.855.194)	1.340.622.416
<b>Cộng</b>	<b>2.432.378.992.776</b>	<b>2.050.137.820.754</b>

Ghi chú : Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố được lấy từ chi phí giá vốn, chi phí quản lý và chi phí bán hàng

**IV. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền: 33.969.555.387 đồng (năm trước: 24.765.728.255 đồng), do số tiền chưa thanh toán cho nhà cung cấp. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong kỳ không bao gồm 8.139.817.029 đồng (kỳ trước: 15.479.286.960 đồng) là thu nhập từ lãi tiền gửi phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

*AM*



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

**V. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối năm	
	2025	2024
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP)	279.903.194.371	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí VN	90.516.216.060	189.760.965.841
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	41.154.772.100	48.091.519.497
Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng công ty PTSC	(68.880.000)	10.684.023.860
Chi nhánh TCT - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	34.522.920	1.722.775.736
Công ty CP DV Kỹ Thuật PTSC Thanh Hóa		451.053.040
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC		192.002.910
<b>Cộng</b>	<b>411.539.825.451</b>	<b>250.902.340.884</b>

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối năm	
	2025	2024
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng công ty PTSC	31.493.264.571	16.239.207.003
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu Khí PTSC	13.804.617.120	8.216.205.878
Chi nhánh PTSC - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	1.453.973.100	15.385.715.136
Công ty Cổ Phần Chế Tạo Giàn Khoan Dầu Khí CN Cty CP kết cấu kim loại và lắp máy Dầu Khí - XN DV Cảng	1.351.130.000	-
Chi nhánh Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC - Tổng Công ty PTSC	652.002.500	16.480.034.500
Công Ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	207.000.000	-
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí VN	29.052.320	58.293.320
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	80.220.000
<b>Cộng</b>	<b>50.383.632.631</b>	<b>60.683.756.237</b>

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2025		31/12/2024	
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>				
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	48.362.538.054	27.492.389.946		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí VN	12.177.441.207	97.617.298.711		
Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng công ty PTSC	5.509.969.121	11.562.191.849		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	3.184.799.191	3.184.799.191		
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	3.170.512.206	2.683.374.923		
Chi nhánh TCT - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	467.197.119	467.197.119		
Chi nhánh TCT - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	14.639.778	-		
<b>Cộng</b>	<b>72.887.096.676</b>	<b>143.007.251.739</b>		

*Handwritten signature*

16  
3T  
1A  
1H  
1P  
C  
109



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Số dư với các bên liên quan (tiếp theo):

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu khác</b>		
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP)	14.860.160.462	-
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	5.698.145.280	5.698.145.280
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí VN	1.287.479.986	-
Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng công ty PTSC	-	487.137.283
<b>Cộng</b>	<b>21.845.785.728</b>	<b>6.185.282.563</b>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí VN	35.734.006.499	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	12.094.312.614	-
Chi nhánh TCT - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	11.096.429.662	11.096.429.662
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật DK VN (PTSC)	-	12.333.903.307
<b>Cộng</b>	<b>58.924.748.775</b>	<b>23.430.332.969</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo – Tổng công ty PTSC	25.490.453.311	8.389.199.094
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	5.961.422.953	4.457.012.643
Chi nhánh TCT - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	2.161.376.607	2.161.376.607
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu Khí PTSC	1.263.848.494	1.130.510.422
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	223.560.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	86.630.256	-
Chi nhánh TCT - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	-	43.085.000
Chi nhánh Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC - Tổng Công ty PTSC	-	17.798.437.260
<b>Cộng</b>	<b>35.187.291.621</b>	<b>33.979.621.026</b>

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm</b>	
	2025	2024
	VND	VND
Lương thưởng các khoản phúc lợi khác	7.930.303.800	5.776.058.000

*ah*



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ XÂY LẬP PTSC**

Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, 65A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV cho năm tài chính 2025 (tiếp theo)

**VI. Vấn đề khác.**

Công ty đang có tranh chấp với công ty MISC Offshore Floating Terminals (L) Limited (“MOFT”) phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng số C-MOFT-OBUSSE-CTM-2024-0002 liên quan đến dự án PSO Benchamas/FPSO BUK. Cụ thể, MOFT đã đơn phương chấm dứt sớm hợp đồng này vào ngày 31 tháng 7 năm 2024 nhưng không thanh toán cho Công ty các phần công việc đã hoàn thành cũng như các chi phí phát sinh do việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong năm 2025, Công ty đã khởi kiện MOFT tại Tòa án Tối cao Singapore để yêu cầu chi trả một số phần công việc đã thực hiện nhưng chưa được nghiệm thu khi chấm dứt sớm hợp đồng.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, hai bên vẫn đang trong quá trình làm việc với Tòa án để làm rõ các nghĩa vụ (nếu có) của hai bên.

**VII. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	88,65%	89,93%
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	11,35%	10,07%
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	58,63%	63,70%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	41,37%	36,30%
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,65	1,63
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,57	1,59
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	5,17%	5,15%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4,12%	4,11%
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	6,04%	4,96%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	11,65%	10,86%

TP HCM, ngày 16 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Duy

Giám đốc



**Vũ Đình Cao Sơn**

